

Số: 01/2022/QĐPT-KDTM

Thái Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Tô Thị Lý và bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp:

Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 08/2021/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông”.

Do Quyết định số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐPT-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có kháng cáo:

1.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; nơi ĐKKHKT: Số nhà 5D, khu tập thể Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

1.2. Bà Lại Thị X, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu: Ông Phạm Văn P - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư An Phát Phạm, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần phát triển T; địa chỉ: Lô diện tích 7.333,4 m² cụm công nghiệp V, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Văn C, sinh năm 1957 - Giám đốc Công ty; địa chỉ: Số 20, H, phường L, quận H, Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1976; nơi cư trú: số 04, ngõ 73, đường Y, tổ V, phường D, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty: Bà Phạm Thu T - Luật sư thuộc Công ty Luật TBHH B Advocate; địa chỉ: Số 297 - 301, phố K, phường G, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Theo đơn yêu cầu đề ngày 16/12/2019, quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu trình bày:*

Công ty Cổ phần phát triển T (sau đây gọi tắt là Công ty T) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 08/8/2011 với vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000 đồng, gồm 05 cổ đông sáng lập, trong đó: Bà Nguyễn Thị Ngọc A nắm giữ 95.000 cổ phần, tương đương 38% vốn điều lệ; ông Nguyễn Văn T nắm giữ 75.000 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ; bà Nguyễn Thị T nắm giữ 30.000 cổ phần, tương đương 12% vốn điều lệ; bà Trịnh Thị N nắm giữ 25.000 cổ phần, tương đương 10% vốn điều lệ; bà Đặng Thị T nắm giữ 25.000 cổ phần, tương đương 10% vốn điều lệ.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/5/2014 (còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày thành lập) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/4/2015 (sau thời hạn 03 năm kể từ ngày thành lập) thì vốn điều lệ của Công ty T là 5.000.000.000 đồng, gồm 05 cổ đông sáng lập, trong đó: Bà Nguyễn Thị Ngọc A nắm giữ 165.000 cổ phần, tương đương 33% vốn điều lệ; ông Nguyễn Văn T nắm giữ 150.000 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ; ông Phạm Văn C nắm giữ 75.000 cổ phần, tương đương 15% vốn điều lệ; bà Lại Thị X nắm giữ 55.000 cổ phần, tương đương 11% vốn điều lệ; bà Mai Thị Thúy H nắm giữ 55.000 cổ phần, tương đương 11% vốn điều lệ. Thời điểm ngày

22/4/2015, ông Nguyễn Văn T được đăng ký là Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong thời gian này, bà H chuyển nhượng toàn bộ 11% cổ phần cho bà X, ông T chuyển nhượng 2% cổ phần cho ông C. Ông T, bà X nắm giữ 50% vốn điều lệ của Công ty.

Tháng 4/2016, ông T, bà X phát hiện ông C, bà Ngọc A tự ý lập bộ hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh 02 lần cho Công ty, trong đó: lần thứ 06 là thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Văn T sang bà Nguyễn Thị Ngọc A với lý do ông T bị thần kinh; lần thứ 7 là đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty từ 5.000.000.000 đồng lên 16.000.000.000 đồng mà chỉ có bà Nguyễn Thị Ngọc A được mua thêm nên tỷ lệ sở hữu cổ phần của ông T, bà X còn lại rất nhỏ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HCST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và Bản án số 117/2018/HC-PT ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà X tuyên “Hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/10/2015 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình. Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình đã ban hành quyết định hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7, khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6 của Công ty và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/5/2018 khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần thứ 6 cho Công ty T.

Ngày 18/6/2018, ông T và bà X đã yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ) để bầu Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT) nhiệm kỳ 2018 - 2023 do nhiệm kỳ cũ đã hết. Tại cuộc họp được triệu tập lần 1 ngày 12/10/2018 và lần 2 ngày 09/11/2018 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điều lệ Công ty do ông C, bà Ngọc A chỉ đồng ý đăng ký dự họp theo vốn điều lệ là 16.000.000.000 đồng. Tại cuộc họp lần 3 ngày 28/11/2018, các cổ đông bà Ngọc A và ông C đã đồng ý đăng ký dự họp theo vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng nhưng cuộc họp không thông qua được bất kỳ nội dung nào do nhóm cổ đông đều có ý kiến trái ngược nhau (mỗi nhóm sở hữu chiếm 50% vốn điều lệ).

Các ngày 06/8/2019, 31/8/2019 và ngày 19/9/2019, ông T, bà X nhận được thông báo mời họp ĐHĐCĐ bất thường đều do ông Phạm Văn C ký thay mặt HĐQT mời họp. Xét thấy, thông báo mời họp không phải là của HĐQT hợp pháp của công ty vì ông T là thành viên HĐQT nhưng không được mời họp để bàn về việc triệu tập ĐHĐCĐ, đồng thời danh sách cổ đông mời họp và sổ đăng ký cổ đông không đúng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6, 8, 9 mà theo danh sách do ông C và bà Ngọc A tự lập ra và với số vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng nên ông T, bà X không đăng ký dự họp cả 03 lần.

Mặc dù vậy, ông C và bà Ngọc A vẫn tiếp tục họp và ban hành Nghị quyết 01/2019/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 01/10/2019. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của các cổ đông sở hữu tổng số 50% cổ phần phổ thông của Công ty T theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6, 8, 9. Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp, ông T, bà X yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy bỏ Nghị quyết 01/2019/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 01/10/2019 của Công ty T với lý do: Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định không đúng theo Luật Doanh nghiệp, người triệu tập họp không phải là HĐQT hợp pháp; tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp không đúng với thực tế và trái với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 và lần thứ 9.

** Theo các văn bản thể hiện ý kiến và tại phiên họp, Công ty cổ phần phát triển T trình bày:*

1. Việc triệu tập, tổ chức cuộc họp và ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ Công ty T ngày 01/10/2019 là đúng pháp luật, Nghị quyết đang có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp, thẩm quyền triệu tập cuộc họp của ĐHĐCĐ công ty cổ phần thuộc HĐQT công ty. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần phổ thông liên tục từ 06 tháng trở lên có quyền đề nghị HĐQT triệu tập cuộc họp của ĐHĐCĐ. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp không có quyền triệu tập và tổ chức cuộc họp của ĐHĐCĐ Công ty, trừ trường hợp đã yêu cầu họp lệ mà HĐQT, Ban kiểm soát công ty không thực hiện việc triệu tập cuộc họp. Thực hiện quyền của cổ đông, nhóm cổ đông Nguyễn

Văn T, Lại Thị X sở hữu 15,63% cổ phần phổ thông đã đề nghị HĐQT Công ty triệu tập cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ công ty. Căn cứ yêu cầu của nhóm cổ đông Nguyễn Văn T và Lại Thị X, HĐQT Công ty T nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã thực hiện việc triệu tập phiên họp bất thường ĐHĐCĐ. Việc triệu tập được thực hiện và gửi thông báo đến cổ đông ông T, bà X.

2. Việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 01/10/2019 là có căn cứ, đúng pháp luật về số cổ phần dự họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường. Ngày 01/10/2019, sau 03 lần triệu tập họp ĐHĐCĐ, cuộc họp được tổ chức với số cổ phần dự họp đạt 84,37% cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết. Tại khoản 29 Điều 4 Luật Doanh nghiệp quy định “Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần”. Khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp quy định: “Vốn điều lệ công ty cổ phần là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty”. Điều 112 Luật Doanh nghiệp quy định: “Công ty cổ phần phải điều chỉnh vốn điều lệ bằng mệnh giá cổ phần và số cổ phần đầy đủ”. Như vậy, vốn điều lệ của Công ty cổ phần là số vốn thực góp của cổ đông, không phải số vốn ghi trên đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp số vốn thực góp ít hơn vốn ghi trên đăng ký doanh nghiệp thì quyền và nghĩa vụ của cổ đông được thực hiện theo số vốn thực góp. Trường hợp vốn thực góp lớn hơn vốn đăng ký doanh nghiệp thì phải căn cứ vào số vốn thực góp.

Theo sổ đăng ký cổ đông và điều lệ Công ty, danh sách cổ đông Công ty T được chốt danh sách để tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 01/10/2019 và tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty tính đến ngày 01/10/2019, cụ thể như sau: 1. Nguyễn Thị Ngọc A 840.000 cổ phần, tỷ lệ 52,5%; 2. Phạm Văn C 270.000 cổ phần, tỷ lệ 16,88%; 3. Nguyễn Thị T 240.000 cổ phần, tỷ lệ 15%; 4. Nguyễn Văn T 140.000 cổ phần, tỷ lệ 8,75%; 5. Lại Thị X 110.000 cổ phần, tỷ lệ 6,88%. Công ty giải trình cụ thể về cơ sở pháp lý xác định vốn điều lệ của công ty và tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của các cổ đông cụ thể như sau:

Từ năm 2015, vốn điều lệ của Công ty đã được điều chỉnh lên 16.000.000.000 đồng theo quy định của pháp luật và tỷ lệ sở hữu cổ phần được xác định theo số vốn điều lệ này. Ngày 09/11/2014, ĐHĐCĐ Công ty đã họp bàn và biểu quyết về việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu để huy động vốn phục vụ đầu tư dự án nhà máy nước sạch T theo chương trình xã hội hóa của tỉnh Thái Bình. Nếu để vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng thì không đủ để thực hiện dự án nên việc tăng thêm số vốn là 11.000.000.000 đồng tương đương số cổ phần phát hành thêm là 1.100.000 cổ phần là phù hợp với Luật đầu tư, Luật đất đai và tình hình thực tế của Công ty. Tại cuộc họp, 04 cổ đông đều dự họp và nhất trí 100% về phương án tăng vốn và chào bán cho cổ đông hiện hữu, thể hiện ở việc các cổ đông đã ký tại trang 4 của biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp nêu rõ: Số vốn điều lệ tăng thêm là 11.000.000.000 đồng, trường hợp cổ đông không góp đủ thì HĐQT được huy động từ bên ngoài. Căn cứ biên bản cuộc họp này, ĐHĐCĐ công ty đã ban hành Nghị quyết số 14/2014/QĐ-ĐHĐCĐ về việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: “Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định”. Ngoài ra để bổ sung nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 09/11/2014, HĐQT công ty đã triệu tập cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ công ty vào các ngày 18/11/2014, 29/11/2014 và 09/12/2014.

Tại cuộc họp ngày 09/12/2014, ĐHĐCĐ đã quyết định việc sửa đổi điều lệ công ty sau khi thực hiện việc tăng vốn để ghi số vốn tăng thêm vào điều lệ Công ty. Ngày 12/12/2014, ông Nguyễn Văn T - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ký 02 thông báo về việc phát hành thêm cổ phần và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Thông báo được gửi cho Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình và được đăng trên cổng thông tin quốc gia đăng ký doanh nghiệp. Ngày 15/12/2014 và ngày 28/12/2014, HĐQT Công ty đã gửi thông báo chào bán cổ phần phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu (04 cổ đông) của công ty. Tuy nhiên, trong số các cổ đông của Công ty chỉ có bà Nguyễn Thị Ngọc A đăng ký mua cổ phần nên ngày 09/01/2015,

HĐQT Công ty đã họp và quyết định bán toàn bộ số cổ phần phát hành thêm cho bà Ngọc A.

Quá trình thực hiện tăng vốn của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quyết định của HĐQT. Việc tăng vốn như trên đến thời điểm này không có cổ đông nào khiếu nại hay khởi kiện yêu cầu hủy Nghị quyết số 14/2014/QĐ-ĐHĐCĐ. Sau khi tăng vốn điều lệ lên 16.000.000.000 đồng thì tỷ lệ sở hữu cổ phần như sau: Nguyễn Thị Ngọc A sở hữu 1.240.000 cổ phần, giá trị là 12.400.000.000 đồng, tỷ lệ 77,5%; Phạm Văn C sở hữu 110.000 cổ phần, giá trị là 1.100.000.000 đồng, tỷ lệ 6,88%; Nguyễn Văn T sở hữu 140.000 cổ phần, giá trị là 1.400.000.000 đồng, tỷ lệ 8,75%; Lại Thị X sở hữu 110.000 cổ phần, giá trị là 1.100.000.000 đồng, tỷ lệ 6,88%. Sau khi công ty tăng vốn và thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần, tháng 02/2016, bà Ngọc A đã chuyển nhượng 240.000 cổ phần sở hữu cho bà Nguyễn Thị T, chuyển nhượng 160.000 cổ phần sở hữu cho ông Phạm Văn C. Căn cứ hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán, chuyển nhượng cổ phần và sở hữu cổ phần, Công ty đã lập sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty. Vốn điều lệ và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông đã được ghi nhận trong sổ đăng ký cổ đông của công ty như sau: Nguyễn Thị Ngọc A sở hữu 840.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có 52,5%; Phạm Văn C sở hữu 270.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có 16,88%; Nguyễn Thị T sở hữu 240.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có 15%; Nguyễn Văn T sở hữu 140.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có 8,75%; Lại Thị X sở hữu 110.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có 6,88%.

Việc thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông tại Công ty cổ phần phát triển T được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp. Đến thời điểm này, các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT về việc phát hành thêm cổ phần và chào bán cổ phần cho cổ đông, sửa đổi điều lệ công ty không bị khởi kiện và đã có hiệu lực, đã thực hiện xong. Toàn bộ số vốn góp 11.000.000.000 đồng của bà Ngọc A đã được đầu tư xây dựng nhà máy, được ghi nhận thành tài sản của công ty, được thể hiện trên hệ thống báo cáo tài chính theo Luật kế toán được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đến thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp, tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông có quyền

biểu quyết của Công ty để tổ chức cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019, vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng, danh sách cổ đông được triệu tập họp lệ. Như vậy, việc Nguyễn Văn T, Lại Thị X là nhóm cổ đông nắm giữ 15,63% cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết vắng mặt thì cuộc họp ĐHĐCĐ vẫn đủ điều kiện tiến hành đúng pháp luật, với số cổ đông sở hữu 84,37% cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết.

3. Nội dung cuộc họp ngày 01/10/2019 được thực hiện theo đúng yêu cầu triệu tập cuộc họp của nhóm cổ đông Nguyễn Văn T và Lại Thị X. Theo yêu cầu của nhóm cổ đông Nguyễn Văn T, Lại Thị X về việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu lại HĐQT, ĐHĐCĐ đã tiến hành họp và thông qua nội dung yêu cầu của nhóm cổ đông ông T và bà X. ĐHĐCĐ đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 2018-2024 với các thành viên gồm: ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị T. Việc bầu cử HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau: ĐHĐCĐ thông qua quy chế bầu cử; cổ đông, nhóm cổ đông giới thiệu đại diện tham gia HĐQT để ĐHĐCĐ thực hiện bầu HĐQT nhiệm kỳ 2018-2024; các cổ đông được giới thiệu bầu HĐQT đều đủ số phiếu để trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2024. Như vậy, cuộc họp bất thường ĐHĐCĐ Công ty T ngày 01/10/2019 là đúng pháp luật.

Công ty T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà X. Công nhận tính hợp pháp và giữ nguyên nội dung của Nghị quyết do ĐHĐCĐ Công ty ban hành ngày 01/10/2019.

Quyết định số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình quyết định:

Căn cứ các Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 114, 136, 139, 141, 144, 147 Luật Doanh nghiệp; Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển T của ông Nguyễn Văn T, bà Lại Thị X.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Ngày 04/5/2021, ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X kháng cáo toàn bộ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình do quyết định này không phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp về Công ty cổ phần. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Quyết định sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông T, bà X về việc hủy Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần phát triển T.

Tại phiên họp phúc thẩm, ông T, bà X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu trình bày căn cứ kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Quyết định số 01/2020/QĐPT-KDTM ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình về việc không chấp nhận đơn yêu cầu hủy Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/8/2016 (bầu HĐQT công ty T nhiệm kỳ 2016 - 2021); Nghị quyết số 01/2017 và Nghị quyết 01/2018 về việc thông qua báo cáo tài chính Công ty với số vốn điều lệ 16.000.000.000 đồng để không chấp nhận yêu cầu hủy Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty T theo yêu cầu của ông T, bà X. Tuy nhiên, tại Quyết định giám đốc thẩm số 11/2022/KDTM-GĐT ngày 26/4/2022, Tòa án nhân dân Cấp cao đã hủy Quyết định số 01/2020/QĐPT-KDTM ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, giữ nguyên Quyết định số 02/2020/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương. Vì vậy, việc bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 và việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 5 tỷ lên 16 tỷ đồng là không hợp pháp. Mặt khác, theo kết luận giám định số 12/KLGD-PC54 ngày 09/6/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận Biên bản cuộc họp số 13, các trang 1,2,3 đã bị thay thế, đến thời điểm hiện tại Công ty T cũng chưa cung cấp được bản gốc của Biên bản cuộc họp số 13, nên chưa có căn cứ xác định có cuộc họp cổ đông, thành phần họp và nội dung họp thể hiện tại biên bản số 13. Công ty T đến thời điểm này cũng chưa xuất trình được Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty về việc tăng vốn điều lệ như đã nêu trên.

Người yêu cầu là ông T, bà X trình bày bổ sung: thời gian triệu tập các cuộc họp HĐQT vào các ngày 06/4/2015 và ngày 20/4/2015 để quyết định thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 6, nhưng cuộc họp của HĐQT để quyết định thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7 thì lại được tổ chức họp vào ngày 02/01/2015 và 09/01/2015 như vậy là có sự không logic về mặt thời gian. Trang 4 của biên bản số 13 thể hiện nội dung dự kiến tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng chỉ nhằm mục đích để làm hồ sơ vay vốn ngân hàng Ocean bank, còn các trang 1,2,3 của biên bản đã bị thay thế. Vì vậy, nên ngày 05/01/2019, bà Ngọc A và ông C vẫn triệu tập họp Hội đồng quản trị với số vốn Điều lệ là 5 tỷ đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T, ông B trình bày: Quyết định số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/4/2021 của Toà án nhân dân huyện Kiến Xương căn cứ vào quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp để giải quyết chứ không căn cứ vào Quyết định số 01/2020/QĐPT-KDTM ngày 09/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình. Đề nghị Hội đồng xét xử không căn cứ vào các Quyết định giám đốc thẩm số 10, 11 ngày 26/4/2022 của Toà án nhân dân Cấp cao để chấp nhận yêu cầu của ông T, bà X tại phiên họp này. Về trình tự thủ tục, triệu tập và nội dung họp để ban hành Nghị quyết số 14 về việc tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ lên 16 tỷ đồng được thực hiện theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, đến thời điểm này Nghị quyết số 14 này vẫn đang có hiệu lực pháp luật, không có ai yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết này và cũng đã hết thời hiệu yêu cầu hủy nghị quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T tranh luận: Đề nghị HĐXX áp dụng đúng quy định của Luật Doanh nghiệp về việc xác định vốn điều lệ của Công ty cổ phần và vốn điều lệ của Công ty T. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty cổ phần là tổng số cổ phần do Công ty phát hành, chào bán thành công cho cổ đông và cổ đông đã thanh toán tiền mua cổ phần, được ghi vào sổ đăng ký cổ đông. Vốn điều lệ của Công ty T là 16 tỷ đồng, được cổ đông thanh toán đầy đủ cho Công ty. Vốn điều lệ trên và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông theo vốn điều lệ trên là căn cứ để lập danh sách cổ đông, phục vụ triệu tập ĐHĐCĐ bất thường ngày 01/10/2019. Hội đồng quản trị Công ty tại thời điểm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường, tháng 10/2019 là HĐQT hợp pháp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, do đó quyền triệu tập ĐHĐCĐ của

HDQT là đúng pháp luật. Trình tự thủ tục triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ bất thường ngày 01/10/2019 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo, bác đơn yêu cầu của ông T, bà X, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc kiện ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng phúc thẩm, các đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng phúc thẩm áp dụng Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X, sửa Quyết định 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo hướng hủy Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Phát triển T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo quy định tại Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T, bà X đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên kháng cáo là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về trình tự, thủ tục triệu tập Hội nghị cổ đông ngày 01/10/2019: Ngày 16/7/2019, ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X có yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu HDQT của Công ty Cổ phần phát triển T do HDQT cũ hết nhiệm kỳ. Đây là yêu cầu hợp lệ của cổ đông công ty nên Công ty T đã triệu tập cuộc họp và gửi thông báo bảo đảm cho cổ đông là ông T, bà X (có thông báo và vận đơn báo phát 03

lần), ông T và bà X đều thừa nhận đã nhận thông báo nên việc triệu tập họp của Công ty T là hợp lệ, đúng quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp.

[2.2] Về nội dung cuộc họp: Theo thông báo mời họp ĐHĐCĐ bất thường lần thứ 3 ngày 19/9/2019 thể hiện nội dung cuộc họp là: Bầu HĐQT Công ty T và hủy Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/6/2019 của Công ty T. Tuy nhiên, cả ba lần triệu tập họp thì ông T, bà X đều không đăng ký dự họp bởi ông T, bà X cho rằng thông báo mời họp ĐHĐCĐ bất thường đều do ông Phạm Văn C ký thay mặt HĐQT mời họp là không hợp pháp vì ông T là thành viên HĐQT nhưng không được mời họp để bàn về việc triệu tập ĐHĐCĐ, đồng thời danh sách cổ đông mời họp và sổ đăng ký cổ đông không đúng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6, 8, 9 mà theo danh sách do ông C và bà Ngọc A tự lập ra và với số vốn điều lệ của Công ty là 16 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty T vẫn tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 01/10/2019 và ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 với nội dung: “1. Bầu Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển T nhiệm kỳ 2019 - 2024 gồm ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Nguyễn Thị T. 2. Không thông qua việc hủy nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2019 của Công ty cổ phần phát triển T...”. Xét nội dung cuộc họp thì thấy:

[2.2.1] Về việc tăng vốn điều lệ công ty: Trong ngày 09/11/2014, Công ty T ban hành Biên bản họp Hội đồng quản trị số 12, Biên bản họp cổ đông công ty số 13 và Quyết định số 14 về việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ. Xét thấy, cùng ngày 09/11/2014, Công ty T có: Biên bản số 12 họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị gồm ông C, bà Ngọc A và ông T ký tên, không ai có ý kiến gì nên được coi là biên bản hợp lệ. Đối với biên bản số 13 có 04 trang thì từ trang thứ nhất đến trang thứ ba theo kết luận giám định số 12/KLGD-PC54 ngày 09/6/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận đã bị thay thế, đến thời điểm hiện tại chưa có ai cung cấp được bản gốc của biên bản này nên chưa có căn cứ xác định có cuộc họp cổ đông, thành phần họp và nội dung họp như biên bản số 13 nêu trên. Đối với trang 4 các cổ đông đều ký nhận nên cần phải khẳng định các cổ đông gồm ông T, bà X, ông C, bà Ngọc A đều biết được chủ trương tăng vốn điều lệ và có chủ trương góp vốn 11

tỷ đồng nhưng không thể đồng nhất giữa việc các cổ đông ký nhận về việc tăng vốn điều lệ với có cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 09/11/2014 là một. Đối với Quyết định số 14, theo quy định của pháp luật thì việc quyết định sửa đổi điều lệ công ty và việc quyết định các loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán phải được thông qua Đại hội đồng cổ đông, như vậy việc Công ty T ban hành Quyết định mà không phải là ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là không hợp pháp. Hơn nữa việc ban hành Quyết định này ông T, bà X đều không biết về số cổ phần mình được mua tương ứng với số cổ phần hiện hữu của mình. Do vậy, về trình tự, thủ tục tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng thành 16 tỷ đồng của Công ty T là không hợp pháp.

[2.2.2] Về thủ tục chào bán cổ phần: Ngày 12/12/2014, ông Nguyễn Văn T - Giám đốc công ty đã ký Thông báo số 01 về việc phát hành thêm 1.100.000 cổ phần phổ thông của công ty. Trong các ngày 15/12/2014 và ngày 28/12/2014, ông Phạm Văn C thay mặt HĐQT ký các thông báo chào bán cổ phần (trong hai đợt chào bán bà Ngọc A là người trực tiếp mua toàn bộ 1.100.000 cổ phần phổ thông). Như vậy, ông T, ông C và bà Ngọc A là những người trực tiếp ký thông báo và mua cổ phần nên thuộc trường hợp biết được việc công ty chào bán cổ phần. Nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên họp, bà X khẳng định không nhận được thông báo về việc chào bán mua cổ phần, hơn nữa Công ty T cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc gửi thông báo chào bán cổ phần cho bà X. Theo quy định tại Điều 124 Luật Doanh nghiệp về việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu “Công ty phải thông báo đến các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc theo sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi hết hạn đăng ký mua cổ phần... số cổ phần cổ đông được quyền mua”. Theo quy định trên bà X được quyền mua cổ phần tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của cổ đông trong công ty, bà X cũng không chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Tuy nhiên, bà X không nhận được các thủ tục trên về việc chào bán cổ phần của Công ty T, phía Công ty T cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh việc gửi thông báo chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, như vậy việc tăng vốn điều lệ thông qua thủ tục

chào bán cổ phần của công ty không hợp lệ, không đảm bảo quyền lợi của các cổ đông trong công ty, vi phạm quy định Luật doanh nghiệp. Do đó ông T, bà X vẫn là các cổ đông chiếm 50% cổ phần và có các quyền lợi theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HCST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và tiếp đó là Bản án phúc thẩm số 117/2018/HC-PT ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã nhận định Biên bản họp cổ đông của công ty T không có giá trị pháp lý, tuyên hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/10/2015 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp cho Công ty Cổ phần phát triển T. Thi hành các bản án hành chính nêu trên, ngày 15/5/2018, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 144/QĐ-ĐKKD về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, theo đó nội dung đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/4/2015 được khôi phục giá trị pháp lý kể từ ngày được cấp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Quyết định giải quyết số 01/2020/QĐPT-KDTM ngày 09/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình mà không xem xét đến việc Công ty T tổ chức họp cổ đông biểu quyết tăng vốn từ 5 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng và thủ tục chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu vi phạm Luật doanh nghiệp là không hợp pháp. Công ty T không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh có tổ chức họp ĐHĐCĐ để ban hành nghị quyết về việc tăng vốn và chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mặt khác, tại Quyết định giám đốc thẩm số 10/2022/KDTM-GĐT và Quyết định giám đốc thẩm số 11/2022/KDTM-GĐT ngày 26/4/2022, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã hủy toàn bộ Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐPT-KDTM ngày 20/10/2020 và Quyết định số 01/2020/QĐPT-KDTM ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 19/3/2020 và Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-KDTM ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương về việc “Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông”. Theo các quyết

định sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Lại Thị X, hủy Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/8/2016, ngày 24/4/2017, ngày 20/3/2018 của Công ty cổ phần phát triển T do trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty T không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và hủy Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2019 của Công ty cổ phần phát triển T do trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp không đúng và không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định, đã vi phạm quyền của cổ đông được quy định tại Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 10 Điều lệ Công ty. Như vậy, đến thời điểm Công ty T tiến hành cuộc họp ngày 01/10/2019 trong khi vắng mặt số cổ đông sở hữu 50% cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong cuộc họp là ông T, bà X là vi phạm quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Do đó, việc Công ty T ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển T để bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 là không đúng pháp luật nên cần chấp nhận kháng cáo của ông T, bà X, sửa quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông T, bà X, hủy Nghị quyết 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển T.

[3] Về lệ phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X được chấp nhận nên ông T, bà X không phải chịu lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật. Trả lại ông T, bà X tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X. Sửa Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

1.1. Căn cứ các Điều 114, 136, 139, 141, 144, 147 Luật Doanh nghiệp. Chấp

nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X, hủy Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/10/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phát triển T.

1.2. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển 300.000 đồng ông Nguyễn Văn T và bà Lại Thị X đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0001510 ngày 13/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sang thi hành lệ phí cho ông T, bà X.

2. Về lệ phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn T, bà Lại Thị X không phải chịu lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự. Trả lại ông T, bà X 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kiến Xương, theo biên lai số 0001411 ngày 06/5/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định 29/9/2022.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- Người yêu cầu.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

Đỗ Thị Hà